

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HSST
Ngày 21/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trọng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ **Ông Phan Ngọc Lương** – Phó Giám đốc bệnh viện đa khoa huyện Cư M'gar

2/ **Ông Nguyễn Đăng Lâm** – Cán bộ hội Nông dân huyện Cư M'gar

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Y Lợi Niê** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện VKS huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Bích Thảo** - Chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 21/7/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2017/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ngô Đức T.** Tên gọi khác: Tèo; Sinh năm 1995 tại tỉnh Đắk Lắk

Nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Ngô Đình Q, sinh năm: 1969 và con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969. Bị cáo có vợ tên Lê Thị Thu H, sinh năm 1996. Bị cáo chưa có con, cha mẹ và vợ bị cáo hiện đang sinh sống và làm nông tại thôn X, xã E, huyện C.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 08/5/2017 được gia đình nhận bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Trọng H.** Tên gọi khác: không; Sinh ngày 23/4/1996 tại tỉnh Đắk Lắk

Nơi ĐKHKTT: Thôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Trọng T, sinh năm: 1965 và con bà: Phạm Thị H, sinh năm: 1965. Hiện cha mẹ bị cáo đang sinh sống và làm nông tại thôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 08/5/2017 được gia đình nhận bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Phan Văn Đ: Sinh năm 1987 (có mặt)
Trú tại: Đường M, P. A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh NLQ1: Sinh năm 1980 (có mặt)
Trú tại: Đường N, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

2/ Ông NLQ2: Sinh năm 1969 (có mặt)
Trú tại: Thôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Người làm chứng: NLC : sinh năm 1984 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn B, xã P huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk truy tố về hành vi phạm tội của các bị cáo Ngô Đức T và Nguyễn Trọng H như sau:

Do có quen biết từ trước nên sáng ngày 16/8/2016, Ngô Đức T , sinh năm 1995, trú tại: thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk gọi điện thoại rủ anh Đ, sinh năm: 1987, trú tại: đường M, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk qua huyện C chơi và được anh Đ đồng ý. Biết anh Đ sẽ đi xe mô tô sang nên T chủ động bàn bạc với Nguyễn Trọng H, sinh năm 1996, trú tại thôn Y, xã E, huyện C tìm cách lừa anh Đ nhằm chiếm đoạt xe mô tô của Đ mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, anh Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 47U1-xxx.xx chở bạn là NLC, sinh năm 1984, trú tại: Thôn B, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến quán cà phê TN, thuộc tổ dân phố K, thị trấn Q, huyện C đợi T như đã hẹn. Một lúc sau, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47 H1- xxx.xx chở H ra quán cà phê gặp anh Đ. Tại đây, theo kế hoạch đã bàn bạc sẵn, T nói dối với anh Đ, Nguyễn Trọng H tên là "Bi", nhà ở thành phố Hồ Chí Minh lên ĐắkLắk làm ăn, mục đích là để che giấu lai lịch của H.

Ngồi chơi được một lúc, T lấy lí do đi rửa xe mô tô của mình và để H (Bi) ở lại ngồi chơi. Khoảng 15 phút sau khi rời khỏi quán cà phê, T gọi điện cho "Bi" nói mượn xe mô tô của anh Đ để chạy ra chỗ T có việc nhưng anh Đ không đồng ý vì

không quen biết với "Bi". Sau khi anh Đ không cho mượn xe mô tô, "Bi" gọi điện thoại báo cho T biết và T đã gọi điện trực tiếp cho anh Đ nói anh Đ đưa xe mô tô cùng giấy tờ xe cho "Bi" mượn chạy ra chỗ T một lúc có công việc, nếu mất thì T chịu trách nhiệm nên anh Đ đồng ý. Sau khi có được xe mô tô 47U1-xxx.xx cùng giấy đăng ký xe và chứng minh nhân dân của anh Đ, Nguyễn Trọng H (Bi) điều khiển xe ra gặp T đang chờ sẵn ở cầu TV thuộc địa phận xã Q, huyện C rồi T điều khiển xe mô tô 47 H1- xxx.xx, H điều khiển xe mô tô của anh Đ chạy lên hướng thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. H ghé vào nhà trọ của Lê Ngọc H1, sinh năm 1992, ở tại đường A, phường T, thành phố B thay quần áo rồi rủ H1 đi chơi cùng. Sau đó H chở H1 bằng xe mô tô 47 U1- xxx.xx, còn T điều khiển xe mô tô 47 H1- xxx.xx chạy về hướng đường N, thành phố B. Khi đến tiệm cầm đồ Q H, do anh NLQ1, sinh năm 1980 làm chủ tại đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, T và H1 đứng ngoài, còn H đi vào tiệm cầm đồ cầm cố xe mô tô 47U1-xxx.xx lấy số tiền 22.000.000 đồng. H giữ lại 11.000.000 đồng và chia cho T 11.000.000 đồng, sau đó H và H1 gọi xe taxi đi chơi điện tử, còn T điều khiển xe mô tô đi chơi ở thành phố B.

Sau nhiều lần gọi điện thoại và gặp Ngô Đức T đòi lại xe mô tô nhưng T nói T cũng bị "Bi" lừa, T không biết "Bi" ở đâu nên ngày 18/8/2016 anh Đ đã trình báo sự việc cho Công an huyện C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 94 ngày 29/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện Cư M'gar xác định: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47 U1- xxx.xx, loại xe Yamaha – Exciter, màu sơn: Xanh – Trắng có giá 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 28/KSĐT-HS ngày 14/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, truy tố các bị cáo Ngô Đức T và Nguyễn Trọng H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự;

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo Ngô Đức T và Nguyễn Trọng H đã khai nhận như sau: Bị cáo T và anh T1 nhà ở xã Q, huyện C có quen với anh Đ nhà ở thị xã B. Vào sáng ngày 16/8/2016 bị cáo T và anh T1 gọi điện thoại rủ anh Đ sang huyện C chơi thì anh Đ đồng ý nhận lời và hẹn chiều sẽ qua. Đến khoảng 13h cùng ngày bị cáo T đi uống cà phê ở quán H H thuộc thôn P, xã E thì gặp bị cáo Nguyễn Trọng H cũng uống cà phê ở quán, do có quen biết từ trước nên bị cáo T và bị cáo H nói chuyện hỏi thăm nhau được khoảng 30 phút thì anh T1 gọi điện thoại cho T nói do bận việc nên không đi chơi cùng T với anh Đ được. Lúc này T kể chuyện với H việc anh Đ qua chơi và rủ H đi chơi cùng thì H đồng ý, do không có

tiền tiêu xài và anh Đ là người chơi thân với T1 hơn nhưng do T1 bận việc không đi chơi cùng nên bị cáo T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe của anh Đ và rủ H cùng thực hiện thì H đồng ý, rồi cả hai bàn bạc H lấy tên là Bi từ Tp. Hồ Chí Minh lên làm ăn, mục đích nhằm che giấu nhân thân lai lịch. Sau khi bàn bạc xong bị cáo T điều khiển xe mô tô 47 H1- xxx.xx chở H ra thị trấn Q ngồi uống nước chờ anh Đ. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì anh Đ đến thị trấn Q huyện C gọi điện thoại cho T, bị cáo T chở H đi đến quán cà phê TN ở thị trấn Q huyện C ngồi uống cà phê cùng với anh Đ. Tại đây, theo kế hoạch đã bàn bạc từ trước bị cáo T đã cùng bị cáo H lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 47U1-xxx.xx của anh Đ đem cầm cố lấy tiền tiêu xài thì bị phát hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 139; b, g, h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Ngô Đức T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41, 42 Bộ luật hình sự 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015:

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47 U1- xxx.xx, 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 chứng minh nhân dân cho anh Đ là chủ sở hữu hợp pháp.

- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 13.000.000 giữa gia đình các bị cáo Ngô Đức T , Nguyễn Trọng H và anh Đ.

- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận tiền cầm cố xe mô tô giữa gia đình các bị cáo Ngô Đức T , Nguyễn Trọng H và anh NLQ1.

Các bị cáo không tranh luận bào chữa gì mà chỉ mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Ngô Đức T và Nguyễn Trọng H tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát huyện Cư M'gar đề nghị xử phạt 02 bị cáo như nhau là chưa phù hợp, vì bị cáo Ngô Đức T là người khởi xướng rủ bị cáo H đi phạm tội vì vậy cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T cao hơn so với bị cáo H. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật và muốn có tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân nên vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/8/2016 tại quán cà phê T N thuộc tổ dân phố K, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Ngô Đức T và Nguyễn Trọng H đã có hành vi lừa đảo để chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 47U1-xxx.xx của anh Đ. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt trị giá là 32.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự;

Điều 139 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là những người có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, các bị cáo biết được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm đến, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị pháp luật nghiêm trị. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo đã gây ra thì mới phát huy được tác dụng giáo dục nhằm răn đe phòng ngừa chung trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Trong vụ án này các bị cáo Ngô Đức T và Nguyễn Trọng H phạm tội với vai trò đồng phạm, có sự thông mưu từ trước nhưng không có sự bàn bạc phân công, phân nhiệm cụ thể rõ ràng vì vậy đây là đồng phạm giản đơn, mức độ phạm tội của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

Đối với bị cáo Ngô Đức T là người đã khởi xướng và rủ bị cáo H đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài vì vậy bị cáo T phải chịu mức án nghiêm khắc hơn đối với bị cáo H là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Trọng H là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân nhưng khi được bị cáo T rủ đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì bị cáo không những không can ngăn mà còn tham gia tích cực, vì vậy bị cáo cũng phải chịu mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Tuy nhiên xét thấy các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều là những người phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã thu hồi trả cho người bị hại, các bị cáo đã cùng với gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và đã được người bị hại làm đơn bãi nại cho các bị cáo, vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b,g,h,p khoản 1,2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Với tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, từ trước tới nay chưa có vi phạm pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù là không gây nguy hiểm cho xã hội hoặc không gây ảnh hưởng xấu trong công cuộc đấu tranh phong chống tội phạm. Nên cho các bị cáo hưởng chế định miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Trong vụ án này, đối với anh NLQ1 là người cầm cố xe mô tô 47U1-xxx.xx nhưng anh NLQ1 không biết chiếc xe trên là do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với ông NLQ2 là người đã cho bị cáo Ngô Đức T mượn xe mô tô biển kiểm soát 47 H1 - xxx.xx, tuy nhiên ông NLQ2 không biết bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với Lê Ngọc H1 là người cùng đi với H và T đến tiệm cầm đồ Q H, tuy nhiên H1 không biết bị cáo H cầm xe mô tô 47U1-xxx.xx phạm tội mà có, H1 cũng không được chia và tiêu xài số tiền cầm cố xe mô tô nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[3] Về phần trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình các bị cáo Nguyễn Trọng H và Ngô Đức T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Đ số

tiền 13.000.000đồng, anh Đ không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin bãi nại cho các bị cáo. Đối với số tiền 22.000.000đồng mà các bị cáo cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 47U1-xxx.xx cho anh NLQ1, là chủ tiệm cầm đồ, các bị cáo đã chia nhau tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Ngày 15/01/2017, gia đình các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận trả lại cho anh NLQ1 số tiền 25.000.000 đồng (trong đó 22.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi), anh NLQ1 đã nhận đủ và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Xét thấy việc bồi thường là sự tự nguyện giữa các bên vì vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đã tạm giữ xe mô tô 47U1-xxx.xx cùng giấy đăng ký xe, 01 chứng minh nhân dân mang tên Đ tại tiệm cầm đồ Q H, đến ngày 14/3/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đã trả lại cho anh Đ là chủ sở hữu hợp pháp nhận sử dụng là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47 H1- xxx.xx, loại xe FUTURE, màu Đỏ-Bạc- Đen các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, đây là xe mô tô Ngô Đức T mượn của bố đẻ là ông NLQ2. Tuy nhiên ông NLQ2 không biết T mượn để sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu giữ là phù hợp.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động và sim điện thoại mà bị cáo T và H sử dụng làm phương tiện liên lạc khi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bị cáo khai trong quá trình sử dụng bị hư hỏng nên đã vứt đi, không nhớ vứt ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Đức T và Nguyễn Trọng H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b,g,h,p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1 khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Đức T 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo Ngô Đức T và Nguyễn Trọng H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án

treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015:

- Ghi nhận việc các bị cáo và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 13.000.000 đồng cho anh Đ và trả lại số tiền 25.000.000 đồng (trong đó 22.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi), cho anh NLQ1.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện CuM'gar đã trả lại: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47 U1- xxx.xx, 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 chứng minh nhân dân cho anh Đ là chủ sở hữu hợp pháp nhận sử dụng.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Ngô Đức T và Nguyễn Trọng H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- CA huyện, VKSND huyện CuM'gar;
- THA Dân sự, T H A hình sự;
- Bị cáo, người bị hại, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Trọng Phụng